

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/DS – ST

Ngày: 15-4-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Giáp Long

Ông Phạm Hữu Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 525/2024/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2024; Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L. Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà LPBank Tower, số B, đường T, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trang Thị Ngọc T1, sinh năm 1977 và ông Mai Anh P, sinh

năm 1978. Cùng địa chỉ: Số A, đường H, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L là ông Trần Minh T trình bày:*

Phòng giao dịch thành phố S của Ngân hàng TMCP L với bà Trang Thị Ngọc T1 và ông Mai Anh P có thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng, kèm khế ước nhận nợ số HDTD35B201900275 ngày 25/07/2019, Ngân hàng cho bà T1, ông P vay số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 26/07/2019 cho đến hết ngày 25/07/2022, mục đích cho vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình, lãi suất cho vay là 10.8%/năm và Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo tổng dư nợ gốc ban đầu + Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

2. Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD35B201900471 ngày 27/11/2019, Ngân hàng cho bà T1, ông P vay số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích cho vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình, lãi suất cho vay: 9,6%/năm và Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo tổng dư nợ gốc ban đầu + lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà Trang Thị Ngọc T1 và ông Mai Anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ từ ngày 01/11/2023 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2024 là 59.010.783 đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/4/2025 là 62.284.757 đồng. Cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900275 ngày 25/07/2019 còn nợ số tiền là 18.671.503 đồng. (Tiền vốn vay là 9.747.998 đồng; Tiền lãi trong hạn: 3.210.412 đồng; T2 lãi quá hạn: 4.765.343 đồng, T2 lãi phạt chậm trả lãi là 947.750 đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900471 ngày 27/11/2019 còn nợ số tiền là 43.613.354 đồng (Tiền vốn vay là 23.975.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 9.258.084 đồng; T2 lãi quá hạn là 8.177.122 đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi là 2.203.048 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP L yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Trang Thị Ngọc T1 và ông Mai A P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn, lãi vay nêu trên cho Ngân hàng.

* Bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn ông P, bà T1 đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L, buộc bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại nêu trên cho Ngân hàng, cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông P, bà T1 thanh toán xong khoản nợ vay cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn

Ngân hàng Thương mại cổ phần L khởi kiện bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai A P yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L lựa chọn là Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P thanh toán tiền vốn, lãi vay của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn, lãi trong hạn, quá hạn và tiền lãi phạt chậm trả lãi còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 15/4/2025) là 62.284.757 đồng. Trong đó, tiền vốn vay của 02 Hợp đồng tín dụng còn nợ là 33.722.998 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi phạt chậm trả lãi tổng cộng là 28.561.759 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Hợp đồng tín dụng, kèm khế ước nhận nợ số HDTD35B201900275 ngày 25/07/2019; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ ngày 24/7/2019; Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD35B201900471 ngày 27/11/2019; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ ngày 27/11/2019; Sổ hộ khẩu của bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P; Giấy chứng minh nhân dân của bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P và các tài liệu chứng cứ khác và các Bản kê dư nợ gốc và lãi vay đến hết ngày 15/4/2025 (bút lục số 18 – 50). Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P có vay số tiền vốn 50.000.000 đồng/Hợp đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần L, phòng giao dịch thành phố S, bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P đều có ký tên, nhận nợ và nguyên đơn Ngân hàng cũng thừa nhận sau khi vay thì bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P đã thanh toán được số tiền vốn, lãi cho Ngân hàng với số tiền là 89.197.005 đồng, còn nợ lại tiền vốn, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi phạt chậm trả lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm tổng cộng là 62.284.757 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo

quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P có vay và còn nợ lại Ngân hàng Thương mại cổ phần L, phòng giao dịch thành phố S số tiền vốn vay, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi phạt chậm trả lại của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên tổng cộng số tiền là 62.284.757 đồng.

Do bên vay bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi,...theo nội dung thỏa thuận tại Điều 8 của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L đối với bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P yêu cầu thanh toán tiền vốn, lãi vay trong hạn, tiền lãi vay quá hạn và tiền lãi phạt chậm trả lãi còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 62.284.757 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 3.114.237 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L đối với bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền vốn vay, tiền lãi vay trong hạn, tiền lãi vay quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi của 02 Hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 15/4/2025) tổng cộng là 62.284.757 đồng.

Trong đó, Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900275 ngày 25/07/2019 còn nợ số tiền là 18.671.503 đồng. (Trong đó: Tiền vốn vay là 9.747.998 đồng; Tiền lãi trong hạn là 3.210.412 đồng; T2 lãi quá hạn là 4.765.343 đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi là 947.750 đồng) và Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900471 ngày 27/11/2019 còn nợ số tiền là 43.613.354 đồng (Trong đó: Tiền vốn vay là 23.975.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 9.258.084 đồng; T2 lãi quá hạn là 8.177.122 đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi là 2.203.048 đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai A Phụng chậm thanh toán số tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900275 ngày 25/07/2019 và Hợp đồng tín dụng số HDTD35B201900471 ngày 27/11/2019 của từng khoản vay mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 16/4/2025 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.114.237 đồng.

3.2 Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.270 đồng theo biên lai thu số 0008622 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Trang Thị Ngọc T1, ông Mai Anh P thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha